

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HSST
Ngày: 26 / 04 / 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Đông
2/ Bà Bùi Thị Minh Hoa

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Đại diện VKSND quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

LÊ HẢI N - Sinh năm: 1986; Giới tính: nam. Đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Khu 3 xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn L; Con bà: Nguyễn Thị H; Vợ là Nguyễn Quỳnh L; có 02 con, con lớn 12 tuổi, con nhỏ 2 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 68 lập ngày 04/01/2023 tại Công an quận Cầu Giấy. Bắt truy nã ngày: 03/01/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại giam Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Đào Hải N, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu 5 thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Trần Thu T, sinh năm 1982; Địa chỉ: số 78 N, phường M, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

2/ Anh Cao Văn S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm 5 xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

3/ Anh Trần T A, sinh năm 1980; Địa chỉ: Khu 2 xã B, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua quan hệ xã hội, anh Đào Hải N quen biết với Lê Hải N. Đến khoảng tháng 7/2019, Lê Hải N hỏi thuê 01 xe ô tô Daewoo Lacetti, biển kiểm soát: 30A-306.xx mang tên chị Trần Thu T là vợ anh N để sử dụng. Ngày 13/7/2019, tại khu vực cổng công

viên Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội, Lê Hải N và anh N ký 01 hợp đồng thuê xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx, thời hạn thuê 01 tháng từ ngày 13/7/2019 đến 13/8/2019, giá thuê xe 14.500.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh Đào Hải N đã giao xe cho Lê Hải N cùng với giấy tờ gồm: 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe (đều là bản chính). Hết thời hạn hợp đồng, Lê Hải N đề nghị tiếp tục thuê xe với giá 10.000.000 đồng/tháng thì anh N đồng ý cho thuê đến tháng 5/2021 nhưng không ký kết hợp đồng. Tiền thuê xe Lê Hải N trả qua tài khoản cho anh N hàng tháng.

Quá trình thuê xe, anh Trần T A thấy Lê Hải N thường xuyên sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx nên hỏi mua xe của N. N nói chiếc xe trên N mua của bà chị trên Hà Nội và cho anh T A kiểm tra xe cùng giấy tờ. Ngày 27/5/2020, anh T A đồng ý mua xe của Lê Hải N với giá 130.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận nếu N tìm được khách mua giá cao hơn thì anh T A sẽ cho N chuộc lại xe. Sau khi nhận tiền, N viết giấy bán xe rồi giao xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe cho anh Trần T A. Đến cuối tháng 5/2020, Lê Hải N lại được anh Cao Văn S hỏi mua chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx. Ngày 01/6/2020, Lê Hải N đến gặp anh Trần T A xin trả tiền để nhận lại chiếc xe ô tô trên do tìm được khách mua giá cao hơn. Anh T A đồng ý và giao lại xe cho N. Ngày 02/6/2020, N mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx đến bán cho anh S. Khi được hỏi nguồn gốc xe, N nói N mua xe của chị Trần Thu T nhưng bị mất giấy tờ mua bán. Anh S kiểm tra xe và giấy tờ đăng ký rồi đồng ý mua với giá 160.000.000 đồng. Khi nhận tiền, N viết giấy bán xe rồi giao xe cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm xe, bảo hiểm xe cho anh Cao Văn S. Sau đó, Lê Hải N đi làm ở nhiều nơi, không về địa phương và không liên lạc với anh Đào Hải N để trả xe. Đến tháng 5/2021, anh Đào Hải N yêu cầu trả lại chiếc xe trên nhưng Lê Hải N nhiều lần trốn tránh nên anh Đào Hải N trình báo Cơ quan Công an đề nghị giải quyết. Cơ quan điều tra thu giữ tang vật gồm:

- Thu giữ của anh Đào Hải N: 01 hợp đồng thuê xe ô tô với Lê Hải N, đề ngày 13/7/2019.

- Thu giữ của anh Cao Văn S: 01 xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 03 giấy chứng nhận bảo hiểm xe, 01 giấy bán xe do Lê Hải N viết đề ngày 02/6/2020.

- Thu giữ của anh Trần T A: 01 giấy bán xe do Lê Hải N viết đề ngày 27/5/2020.

Quá trình xác minh, Lê Hải N vắng mặt tại nơi cư trú. Ngày 12/12/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy đã ra Quyết định truy nã đối với Lê Hải N. Ngày 03/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Cầu Giấy đã bắt giữ được Lê Hải N.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Hải N khai nhận hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 25/TCKH-BBĐGHĐ ngày 21/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Cầu Giấy kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát: 30A-306.xx trị giá: 167.500.000 đồng.

Tiến hành nhận dạng, kết quả: Anh Đào Hải N khẳng định Lê Hải N là người đã thuê xe của ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx từ ngày 13/7/2019 để sử dụng. Anh Cao

Văn S khẳng định Lê Hải N là người đã bán xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.89 cho anh S vào ngày 02/6/2020.

Kết luận giám định số 2544/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Số khung, số máy xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx, đăng ký xe mang tên chị Trần Thu T là số khung, số máy nguyên thủy.

Kết luận giám định số 816/KLGD-PC09-D3 ngày 24/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên Hợp đồng thuê xe và chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên các mẫu so sánh (Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn) là chữ ký, chữ viết do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 3268/KL-KTHS ngày 24/05/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên 01 “Giấy bán, cho, tặng xe” đề ngày 27/5/2020, 01 “Giấy bán, cho, tặng xe” đề ngày 02/6/2020 và chữ ký, chữ viết Lê Hải N trên các mẫu so sánh (Tờ khai đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn) là chữ ký, chữ viết do cùng một người ký, viết ra.

Đối với việc Lê Hải N bán xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx cho anh Trần T A và anh Cao Văn S: Khi bán xe, Lê Hải N đã xuất trình giấy chứng nhận đăng ký xe bản gốc cho anh T A, anh S. Khi anh S hỏi mua xe, N thỏa thuận với anh T A để trả lại tiền và nhận lại xe. Khi nhận tiền, N đều giao xe ô tô đúng như cam kết. Do đó, không có căn cứ xác định Lê Hải N có hành vi chiếm đoạt số tiền mua xe ô tô của anh Trần T A và anh Cao Văn S.

Đối với anh Cao Văn S và anh Trần T A: Do cả hai không biết nguồn gốc xe là do Lê Hải N thuê của anh Đào Hải N, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với tang vật thu giữ: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả 01 xe ô tô biển kiểm soát: 30A-306.xx, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm, 03 giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho anh Đào Hải N. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đào Hải N không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Về dân sự: Anh Cao Văn S đề nghị Lê Hải N hoàn trả số tiền 160.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKSCG ngày 14/03/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố bị cáo Lê Hải N về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cấp tài sản theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi liên quan giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo bồi thường 160.000.000 đồng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Cao Văn S số tiền 160.000.000 đồng..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 7/2019, thông qua việc ký Hợp đồng thuê xe với anh Đào Hải N, Lê Hải N đã quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti biển kiểm soát: 30A-306.xx trị giá: 167.500.000 đồng của chị Trần Thu T. Quá trình sử dụng, ngày 02/06/2020 Lê Hải N đã bán xe cho anh Cao Văn S và bỏ trốn để trốn tránh việc trả tài sản cho người bị hại. Hành vi của bị cáo đã phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội bởi lẽ đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được xe không phải thuộc sở hữu của mình, nhưng khi cần tiền trả nợ đã bán xe cho người khác dẫn đến việc không thể hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu và đi khỏi nơi cư trú để trốn tránh nghĩa vụ trả tài sản. Với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, xét thấy cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục đối với bị cáo.

[4] Tình tiết giảm nhẹ hình phạt và hình phạt bổ sung: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét việc bị cáo có thái độ khai báo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét mức hình phạt kiểm sát viên đề nghị áp dụng cho bị cáo là quá cao so với quy định của pháp luật, nên Tòa án không chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Người bị hại là anh Đào Hải N cùng vợ là chị Trần Thu T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự, nên Tòa án không xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường của anh Cao Văn S, xét việc anh S giao số tiền 160.000.000 đồng cho bị cáo vì tin bị cáo sẽ hoàn tất được thủ tục sang tên chuyển nhượng xe. Nhưng trong thực tế bị cáo không làm được và xe bị thu hồi trả lại cho người bị hại. Nay yêu cầu bồi thường của anh S là chính đáng, nên cần chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Cao Văn S số tiền 160.000.000 đồng và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lê Hải N phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

***Áp dụng:** Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: LÊ HẢI N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2023.

*** Áp dụng:** Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Lê Hải N phải bồi thường cho anh Cao Văn S số tiền 160.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Áp dụng:** Các điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng án phí bồi thường dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Văn S có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận bản án:

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cầu Giấy + HN;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Cầu Giấy + HN;
- Chi cục THADS Cầu Giấy;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng TAND quận Cầu Giấy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Vân